TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 06/2026/QĐST-HNGĐ	*TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH
V/v yêu cầu xác định cha cho con

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc hôn nhân và gia đình gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Trần Hà Như Oanh.

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Thu Phương - Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Ông Nguyễn Trung Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 209/2026/TLST-HN ngày 06 tháng 02 năm 2026, về việc: "Yêu cầu xác định cha cho con" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc hôn nhân và gia đình số 05/2026/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2026, gồm người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình: Ông Trần Quang M, sinh năm 1969 (có mặt).

Địa chỉ thường trú: Số E P, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1951 (có mặt).

Địa chỉ thường trú: 13825 N V, Meadow Loop, H, TX G, USA.

Địa chỉ liên hệ: Số F P, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1954 (vắng mặt).

Địa chỉ thường trú: Số E P, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1960 (vắng mặt).

Địa chỉ thường trú: Số E P, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Bà Nguyễn Thị Á, sinh năm 1962 (vắng mặt).

Địa chỉ thường trú: Số E P, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Bà Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm 1964 (vắng mặt).

Địa chỉ thường trú: G15/9 ấp B, xã L, huyện B (nay là xã B), Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Ông Nguyễn Thế T2, sinh năm 1966 (có mặt).

Địa chỉ thường trú: Số E P, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự đề ngày 10 tháng 01 năm 2026 và quá trình giải quyết, người yêu cầu là ông Trần Quang M trình bày:

Ông Nguyễn Văn H (sinh năm 1922, chết năm 1996) và bà Trần Thị H1 (sinh năm 1932, chết năm 2011) có tất cả 9 người con chung, gồm: Bà Nguyễn Thị Q (sinh năm 1951), bà Nguyễn Thị T (sinh năm 1954), ông Nguyễn Văn C (sinh năm 1956, chết năm 2022), bà Nguyễn Thị T1 (sinh năm 1960), bà Nguyễn Thị Á (sinh năm 1962), bà Nguyễn Thị Ngọc A (sinh năm 1964), ông Nguyễn Thế T2 (sinh năm 1966), ông Trần Quang M (sinh năm 1969) và ông Trần Như K (sinh năm 1971, chết năm 2005). Tất cả các anh, chị của ông M có giấy khai sinh ghi tên cha là Nguyễn Văn H, tên mẹ là Trần Thị H1.

Năm 1968, nhà ở của ông H và bà H1 bị cháy nên không còn giấy đăng ký kết hôn của ông H và bà H1. Vì thế, khi bà H1 sinh ông M, do không có giấy kết hôn nên giấy khai sinh của ông M chỉ ghi họ tên của người mẹ là bà Trần Thị H1 (Tran Thi H2), bỏ trống phần họ tên của người cha. Từ nhỏ cho đến lớn, cả gia đình 11 người gồm ông H, bà H1 và 9 anh chị em ông M đều chung sống hòa thuận cùng nhau ở địa chỉ E P, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh cho đến khi ông H, bà H1 qua đời.

Phiếu kết quả phân tích ADN ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Công ty Cổ phần D - Chi nhánh phía Nam thể hiện kết quả ông Trần Quang M và ông Nguyễn Thế T2 có quan hệ huyết thống theo dòng nội (trên nhiễm sắc thể Y). Ông M yêu cầu Tòa án xác định ông M là con đẻ của ông Nguyễn Văn H (sinh năm 1922, chết năm 1996) để bổ sung thông tin về họ tên cha trên giấy khai sinh.

Ông M đồng ý với Kết luận giám định pháp ADN số 293/26/KLGĐADN-PYQG ngày 20 tháng 5 năm 2026 của Viện Pháp y Q1 - Bộ Y về việc ông Trần Quang M có quan hệ huyết thống anh em cùng cha, cùng mẹ với ông Nguyễn Thế T2.

Quá trình tố tụng, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bà Nguyễn Thị Q, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị Á, bà Nguyễn Thị Ngọc A và ông Nguyễn Thế T2 đều thống nhất với ý kiến trình bày và yêu cầu của ông Trần Quang M về việc yêu cầu Tòa án xác định ông Nguyễn Văn H (sinh năm 1922, chết năm 1996) là cha đẻ của ông Trần Quang M. Ông T2, bà Q đồng ý với Kết luận giám định ADN số 293/26/KLGĐADN-PYQG ngày 20 tháng 5 năm 2026 của Viện Pháp y Q1 - Bộ Y về việc ông Trần Quang M có quan hệ huyết thống anh em cùng cha, cùng mẹ với ông Nguyễn Thế T2; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến phản đối Kết luận giám định ADN nêu trên.

Tại phiên họp:

Ông Trần Quang M vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án xác định ông M là con đẻ của ông Nguyễn Văn H (sinh năm 1922, chết năm 1996) để bổ sung thông tin trên giấy khai sinh. Bà Nguyễn Thị Q, ông Nguyễn Thế T2 đồng ý với yêu cầu của ông M. Bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị Á, bà Nguyễn Thị Ngọc A vắng mặt tại phiên họp, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết việc dân sự kể từ khi thụ lý đơn yêu cầu và tại phiên họp hôm nay, Thẩm phán, Thư ký phiên họp đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét đơn yêu cầu. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên họp, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị Á, bà Nguyễn Thị Ngọc A có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên Tòa án giải quyết vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung việc dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 90, khoản 2 Điều 101 và khoản 2 Điều 102 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của ông Trần Quang M về việc xác định ông M là con đẻ của ông Nguyễn Văn H (sinh năm 1922, chết năm 1996).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Ông Trần Quang M yêu cầu Tòa án xác định quan hệ cha con giữa ông Nguyễn Văn H (sinh năm 1922, chết năm 1996) và ông M. Ông M có địa chỉ cư trú tại phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 90 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì: *"Con có quyền nhận cha, mẹ của mình, kể cả trong trường hợp cha, mẹ đã chết*." Khoản 2 Điều 101 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Tòa án có thẩm quyền giải quyết việc xác định cha, mẹ, con trong trường hợp có tranh chấp hoặc người được yêu cầu xác định là cha, mẹ, con đã chết…*" và khoản 2 Điều 102 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Cha, mẹ, con, theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, có quyền yêu cầu Tòa án xác định con, cha, mẹ cho mình …*".

Do đó, yêu cầu của ông Trần Quang M thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh, theo quy định tại khoản 10 Điều 29, Điều 35, điểm t khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[2] Về sự vắng mặt của đương sự:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ quan là bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị Á, bà Nguyễn Thị Ngọc A vắng mặt tại phiên họp, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), tiến hành phiên họp vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên.

[3] Về yêu cầu của người yêu cầu:

Người yêu cầu là ông Trần Quang M và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Q, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn

Thị Á, bà Nguyễn Thị Ngọc A và ông Nguyễn Thế T2 đều thống nhất trình bày là ông Trần Quang M là con đẻ của ông Trần Văn H3 (sinh năm 1922, chết năm 1996) và bà Trần Thị H1 (sinh năm 1932, chết năm 2011), do giấy chứng nhận kết hôn của ông H3 và bà H1 không còn sau khi nhà bị cháy vào năm 1968 nên khi làm thủ tục khai sinh cho ông M, ông M theo họ của mẹ, chỉ ghi họ tên của người mẹ là bà Tran Thi H2 (Trần Thị H1), để trống họ tên của người cha.

Quá trình giải quyết vụ việc, ngày 06 tháng 5 năm 2026, Tòa án đã ban hành Quyết định số 9/2026/QĐ-TA trưng cầu Q1 - Bộ Y thực hiện giám định ADN để xác định quan hệ huyết thống anh - em ruột cùng cha, cùng mẹ giữa ông Trần Quang M và ông Nguyễn Thế T2. Kết luận giám định AND số 293/26/KLGĐADN-PYQG ngày 20 tháng 5 năm 2026 của Q1 - Bộ Y đã ghi nhận: "Trần Quang M (NS: 06/4/1969) có quan hệ huyết thống anh em cùng cha, cùng mẹ với Nguyễn Thế T2 (NS: 13/11/1966), độ tin cậy 99,9999%."

Theo Trích lục khai sinh số 3521/TLKS-BS do Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 7 năm 2018 thể hiện ông Nguyễn Thế T2, sinh ngày 13 tháng 11 năm 1966, họ tên của người mẹ là Trần Thị H1, họ tên của người cha là Nguyễn Văn H. Ông Nguyễn Văn H đã chết ngày 25 tháng 3 năm 1996 theo Giấy chứng tử số 15, quyển số 01-96 do Ủy ban nhân dân Phường G, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29 tháng 3 năm 1996.

Do đó, có cơ sở để xác định ông Trần Quang M là con đẻ của ông Nguyễn Văn H (sinh năm 1922, chết năm 1996).

[4] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự về hôn nhân và gia đình do người yêu cầu chịu theo quy định tại khoản 1 Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Về chi phí trưng cầu giám định ADN: Người yêu cầu tự nguyện chịu chi phí trưng cầu giám định ADN và đã thực hiện xong.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên họp là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 10 Điều 29, Điều 35, điểm t khoản 2 Điều 39, khoản 1 Điều 149, các điều 367, 369, 370, 371 và 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

- Căn cứ khoản 1 Điều 90, khoản 2 Điều 101 và khoản 2 Điều 102 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình của ông Trần Quang M:

Xác định ông Trần Quang M, sinh ngày 06 tháng 4 năm 1969, căn cước công dân số 079069002818, địa chỉ thường trú: E P, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh là con đẻ của ông Nguyễn Văn H (sinh năm 1922, chết năm 1996), địa chỉ thường trú trước khi chết: E P, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) do ông Trần Quang M chịu, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án 0011092 ngày 06 tháng 02 năm 2026 của Thi hành án dân sự Thành phố H.

3. Về chi phí trưng cầu giám định ADN: Ông Trần Quang M tự nguyện chịu chi phí trưng cầu giám định ADN và đã thực hiện xong.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Người yêu cầu có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết việc dân sự hoặc kể từ ngày quyết định đó được thông báo, niêm yết.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 3 - TP.HCM;
- Thi hành án dân sự TP.HCM;
- UBND phường B, TP.HCM;
- Lưu: Hồ sơ vụ việc, văn phòng.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

TAND KHU VỰC 3
YYG150626.TL.QDBA
5283

Trần Hà Như Oanh